

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/LĐ – ST**

Ngày: 17/07/2019

V/v “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thanh Huyền**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Hồng Hải**

Ông **Nguyễn Tuấn Minh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Anh** – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Thế Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-LĐ ngày 26 tháng 04 năm 2019 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-LĐ ngày 04 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2019/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn B**

Địa chỉ: Lầu 8, 162 đường P, phường B, Quận A, TP.H

Người đại diện hợp pháp: Bà **Tổng Thị Ngọc Đ**- sinh năm 1991 (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*) là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/07/2018)

Bị đơn: Bà **Nguyễn Kim T**- sinh năm 1988 (*vắng mặt*)

Thường trú: 72B Quang Trung, Khóm C, Phường E, Thành phố C

Địa chỉ: 575/31 đường C, Phường M, Quận T, TP.H

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 11/07/2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là bà Tổng Thị Ngọc Đ trình bày:**

Bà Nguyễn Kim T làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (viết tắt là Công ty B) từ ngày 13/11/2017 theo Hợp đồng thử việc số 012/2017/HDTV ngày 13/11/2017 và sau đó là Hợp đồng lao động số 001/2018-HĐLĐ ngày 14/01/2018. Thời hạn hợp đồng là 01 năm từ ngày 14/01/2018 đến ngày 14/01/2019, công việc của bà là nhân viên chăm sóc khách hàng, cụ thể là xử lý và quản lý việc đặt vé máy bay, xe lửa, xe khách, phà và các công việc khác được giao theo yêu cầu của quản lý.

Ngày 11/02/2018, bộ phận kế toán của Công ty B phát hiện nhiều vé tàu và vé

xe bị tính công nợ bởi đường sắt Việt Nam và nhà xe Phương Trang nhưng không nhận được thanh toán từ khách hàng trong hệ thống quản lý của công ty. Vì nghi ngờ bà T có sự gian dối, bộ phận quản lý đã báo cáo Ban giám đốc yêu cầu bà T giải trình và xác minh vụ việc.

Ngày 12/02/2018 Công ty tổ chức họp và bà T đã thừa nhận lợi dụng nhiệm vụ được giao để đặt vé cho các cá nhân trong phạm vi mối quan hệ bạn bè. Sau khi đặt vé thành công và thanh toán bằng công nợ của công ty, bà T phối hợp cùng các cá nhân liên quan hoàn vé và lấy tiền mặt tại Ga Sài Gòn nhận số tiền là 43.959.000 đồng và vé của Công ty Phương Trang nhận số tiền là 9.534.000 đồng. Tại buổi họp bà T đã ký vào thư cảnh báo và cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền gây thiệt hại cho Công ty B. Sau đó bà T nghỉ việc từ ngày 13/02/2018.

Công ty B đã nhắc qua email vào ngày 26/02/2018 và ngày 28/02/2018 nhắc bà T trả tiền nhưng bà T không trả. Ngày 27/04/2018 bà T làm văn bản cam kết trả tiền trước ngày 31/05/2018 nhưng vẫn không trả.

Theo kết quả kiểm tra thì bà T đang chiếm giữ của Công ty B tổng số tiền là 58.376.000 đồng. Công ty B yêu cầu bà T phải trả ngay một lần số tiền bà T gây thiệt hại cho Công ty B là 58.376.000 đồng.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho bà Nguyễn Kim T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo qui định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T không đến làm việc và hòa giải. Ngày 23/05/2019, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là bà Nguyễn Kim T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và Công ty B đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

*** Tại phiên tòa:**

Chủ tọa phiên tòa công bố: Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các buổi làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã tự từ bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bà Nguyễn Kim T đã gây thiệt hại cho Công ty B số tiền là 58.376.000 đồng và có cam kết sẽ hoàn trả

trước ngày 31/05/2018 nhưng đến nay vẫn không trả. Do đó Công B yêu cầu bà T phải trả ngay số tiền thất thoát còn lại 58.376.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho Công B. Trả lại cho Công B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Theo xác minh ngày 11/03/2019 của Công an Phường 5, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau thì bà Nguyễn Kim T có hộ khẩu thường trú tại nhà số 72B Quang Trung, Khóm C, Phường E, Thành phố C nhưng đã bỏ đi từ lâu và không rõ đi đâu. Thời điểm vào làm việc tại Công ty B, bà T khai địa chỉ tại số 575/31 đường C, Phường M, Quận T, TP.H nên hợp đồng thử việc và hợp đồng lao động bà ký kết với Công ty B đều ghi địa chỉ này của bà T.

Như vậy thời điểm Công ty B nộp đơn khởi kiện bà T vào ngày 17/07/2018 do không biết nơi cư trú của bà T nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà số 575/31 đường C, Phường M, Quận T, TP.H là đúng quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Kim T làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B theo Hợp đồng thử việc số 012/2017/HDTV ngày 13/11/2017 và Hợp đồng lao động số 001/2018-HĐLĐ ngày 14/01/2018 ký giữa hai bên. Công việc của bà T là nhân viên chăm sóc khách hàng, cụ thể là xử lý và quản lý việc đặt vé máy bay, xe lửa, xe khách, phà. Ngày 13/02/2018 bà T nghỉ việc.

Theo Công ty B trong thời gian làm việc bà T đã lợi dụng nhiệm vụ được giao gây thiệt hại cho Công ty B số tiền là 58.376.000 đồng nhưng không trả lại nên Công B yêu cầu bà T phải trả ngay số tiền gây thiệt hại là 58.376.000 đồng.

Xét thấy, bà T đã ký vào thư cảnh báo ngày 12/02/2018 có thừa nhận lợi dụng nhiệm vụ được giao để đặt vé cho các cá nhân, sau khi đặt vé thành công và thanh toán bằng công nợ của Công ty B, bà T phối hợp cùng các cá nhân liên quan hoàn vé

và lấy tiền mặt tại ga Sài Gòn và của Công ty Phương Trang nhưng không trả lại cho Công ty B. Bà T có cam kết sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền làm thất thoát cho Công ty B nhưng không thực hiện. Công ty B đã nhắc qua email ngày 26/02/2018 và ngày 28/02/2018, đến ngày 27/04/2018 bà T làm văn bản cam kết sẽ trả số tiền 48.842.000 đồng trước ngày 31/05/2018 nhưng đến nay vẫn không trả cho Công ty B. Tuy bà T chỉ cam kết trả số tiền là 48.842.000 đồng nhưng căn cứ vào kết quả kiểm tra đã thống kê thì số tiền bà T đang chiếm giữ của Công ty B là 58.376.000 đồng.

Bà T đã làm thất thoát tiền bán vé, đã cam kết trả cho Công ty B nhưng không trả đúng hạn. Số tiền bà T chiếm giữ đã lâu, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại quyền lợi chính đáng của Công ty B. Do đó chấp nhận yêu cầu của Công ty B buộc bà T phải trả cho Công ty B số tiền gây thiệt hại 58.376.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí tính trên số tiền phải trả cho Công ty B là 1.751.280 đồng. Trả lại cho Công ty B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 130 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 32 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B.

Bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền gây thiệt hại là 58.376.000 đồng (năm mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Việc trả tiền được thực hiện một lần tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng bà Nguyễn Kim T còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim T chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.751.280 đồng (một triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, hai trăm tám mươi đồng). Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.640 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng) theo biên lai số: AA/2018/0016073 ngày 23/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B, bà Nguyễn Kim T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP-VKSNDTP;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Huyền